

Bản án số: 02/2017/HCPT

Ngày: 27/02/2017

“*V/v khiếu kiện Quyết định giải quyết
khiếu nại Quyết định thu hồi đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Tố Dương**.

Các Thẩm phán: 1. Ông **Dương Trọng Quang**
2. Bà **Trần Thị Kim Nhung**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Minh** – Thư ký TAND tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh :

Bà **Đỗ Thị Kiều Nga** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 02 năm 2017 tại phòng xử án, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 08/2016/TLPT-HC ngày 17 tháng 5 năm 2016 về việc khiếu kiện Quyết định giải quyết khiếu nại Quyết định thu hồi đất.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 06/2016/HCST ngày 28/4/2016 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo .

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:81/2016/QĐPT-HC ngày 07 tháng 9 năm 2016 giữa các đương sự:

1/ **Người khởi kiện:** Ông **Nguyễn Đức V** - Sinh năm 1956.

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Anh T** - Sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 1B Q16 phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 01/10/2015).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Vũ Tiến V- Luật sư Công ty Luật TNHH B thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Có mặt.

Ông Đỗ Trọng L - Luật sư Công ty Luật TNHH B thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Có mặt.

Cùng địa chỉ: Số 41, B12 phố T, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội.

2/ **Người bị kiện:** **Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Hồng H** - Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hoàng Quang H** - Phó Chủ tịch. Có mặt.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 5494 ngày 15/9/2016)

3/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Trung tâm phát triển quỹ đất Sở tài nguyên môi trường tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Văn H** - Phó giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất Sở tài nguyên môi trường tỉnh Quảng Ninh.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 28/9/2016.)

Có mặt.

3.2/ Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Ngô Văn B** - Công chức địa chính.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 01 năm 2015.)

Có mặt.

4/ Người kháng cáo:

Ông **Nguyễn Đức V** - Người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ vào bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện và quan điểm của ông Nguyễn Đức V và người đại diện theo ủy quyền trình bày :

Năm 2008 ông Nguyễn Đức V nhận chuyển nhượng từ ông Phan Nguyên H thửa đất số 14D tờ bản đồ địa chính số 22 tại địa chỉ tổ 2 khu 1 phường Đ, thành phố H. Ngày 18/8/2009 ông V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Đức V với tổng diện tích được cấp là 434,9m² (trong đó 40m² đất ở, đất trồng cây lâu năm là 394,9m²) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD477513 của UBND thành phố H.

Năm 2012, để thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 18A đoạn Uông Bí-Hạ Long và thực hiện dự án Trung tâm thể thao vùng Đông Bắc mở rộng, UBND thành phố H đó ban hành quyết định số 2998/QĐ-UBND ngày 07/12/2012 và Quyết định số 3007/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 32 hộ gia đình, trong đó có hộ ông Nguyễn Đức V.

Tại các quyết định 3138/QĐ-UBND, 3139/QĐ-UBND ngày 19/12/2012, Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 30/01/2013, Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 06/02/2013, Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 của UBND thành phố H đã phê duyệt phương án bồi thường, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Đức V với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt là 403.824.000đ (Bốn trăm linh ba triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Tổng số tiền ông V đó nhận bồi thường, hỗ trợ là 110.821.000đ (Một trăm mười triệu tám trăm hai mươi một nghìn đồng).

Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ nêu trên, ông V đã làm đơn khiếu nại. Ngày 10/9/2015 Chủ tịch UBND thành phố H đã ban hành quyết định

giải quyết khiếu nại không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Đức V, giữ nguyên các Quyết định số 3138/QĐ-UBND, 3139/QĐ-UBND ngày 19/12/2012, Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 30/01/2013, Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 06/02/2013, Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 của UBND thành phố H về việc phê duyệt phương án bồi thường, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Đức V. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên, ngày 06/10/2015 ông Nguyễn Đức V đã làm đơn khởi kiện vụ án hành chính đối với UBND thành phố H, yêu cầu: Hủy toàn bộ Quyết định hành chính số 2261/QĐ-UBND ngày 10/9/2015 của Chủ tịch UBND thành phố H với các lý do sau:

1. Quyết định số 2261/QĐ-UBND ngày 10/9/2015 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu là trái pháp luật, không chính xác, thiếu căn cứ pháp lý, trái với các quy định tại *điều 47 nghị định 84/2007; khoản 3 điều 91 nghị định 181/2004, khoản 1,2 điều 13; khoản 1,2 điều 42, khoản 1 điều 83, khoản 2, 3 điều 113 Luật đất đai 2003*. Cụ thể:

- Quyết định 2261/QĐ-UBND có sự sai lệch các số liệu là: ghi thửa đất số 15 +16 tờ bản đồ địa chính số 24 trong khi trong giấy CNQSDĐ cấp cho ông V ghi thửa đất số 14D tờ bản đồ số 22.

- Quyết định 2261/QĐ-UBND ghi 394,9m² đất là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm trong khi giấy CNQSDĐ của ông V chỉ ghi là đất trồng cây lâu năm.

- Quyết định 2261/QĐ-UBND ghi ông V có 75,6m² đất là đất chuyên dùng (hành lang kênh N1) là sai lệch với bản chứng nhận nhà đất ngày 20/6/2012 của UBND phường Đ, và trong bản đồ giải phóng mặt bằng không thể hiện có diện tích đất chuyên dùng.

- Quyết định 2261/QĐ-UBND cho rằng 394,9m² đất của ông V là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm nên đã bồi thường đất nông nghiệp trồng cây lâu năm là không có căn cứ và vi phạm khoản 2 điều 113 Luật đất đai 2003. Và theo điều 13 và khoản 1 điều 83 luật đất đai 2003 thì 394,9m² phải được coi là đất ở tại nông thôn. Căn cứ quyết định 1404/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 và văn bản số 6493/UBND-TM2 ngày 24/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh thì 509m² đất của ông V phải được bồi thường với giá 6.300.000đồng/m².

- Mặc dù giấy CNQSDĐ của ông V chỉ có 434,9m² đất nhưng theo hồ sơ giải phóng mặt bằng thì diện tích đo đạc thực tế là 509m² nên ông V phải được bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế (theo quy định tại khoản 2 điều 47 nghị định 84/2007/NĐ-CP)

- Giấy CNQSDĐ cấp cho ông V ngày 18/8/2009 không đúng với sổ gốc của ông Phan Nguyên H về sơ đồ thửa đất, cụ thể; cấp cả phần diện tích hành lang giao thông vào phần diện tích đất được sử dụng của ông V là vi phạm khoản 3 điều 91 nghị định 181/2004/NĐ-CP.

2. Đề nghị Tòa án buộc UBND thành phố H có trách nhiệm bồi thường giá trị quyền sử dụng 509m² là đất ở với giá 6.300.000đồng/m² theo quy định tại các

quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 và văn bản số 6493/UBND-TM2 ngày 24/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

Quan điểm của người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố H.

Thực hiện dự án nâng cấp quốc lộ 18A đoạn Uông Bí- Hạ Long và dự án Trung tâm thể thao vùng Đông Bắc mở rộng, UBND thành phố Hạ Long đã ban hành các quyết định 3138, 3139/QĐ-UBND ngày 19/12/2012, quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 30/01/2013, quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 06/02/2013, quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 về việc phê duyệt phương án bồi thường, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Đức V với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ 403.824.000đồng. Cụ thể các khoản bồi thường, hỗ trợ như sau:

* Phần đất thuộc dự án Trung tâm thể thao vùng Đông Bắc mở rộng:

- Bồi thường đất ở theo giấy cấp: Thửa đất chênh cốt thấp hơn so với mặt đường Quốc lộ 18A là 2,7m: $40m^2 \times 6.300.000\text{đồng}/m^2 \times 80\% = 201.600.000$ đồng

- Bồi thường đất nông nghiệp trồng cây lâu năm: $216,9m^2 \times 48.000\text{đồng}/m^2 \times 100\% = 10.411.200$ đồng.

- Hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường: $216,9m^2 \times 1.046.000\text{đồng}/m^2 \times 35\% = 79.407.000$ đồng

* Phần đất thuộc dự án nâng cấp Quốc lộ 18A đoạn Uông Bí- Hạ Long:

- Bồi thường đất nông nghiệp trồng cây lâu năm: $176,5m^2 \times 48.000\text{đồng}/m^2 \times 100\% = 8.472.000\text{đồng}$

- Hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường: $176,5m^2 \times 1.656.000\text{đồng}/m^2 \times 35\% = 102.299.400\text{đồng}$

- Hỗ trợ diện tích chênh lệch giảm giữa diện tích đủ điều kiện được bồi thường thực tế với diện tích ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: $1,5m^2 \times 48.000\text{đồng}/m^2 \times 70\% = 50.400\text{đồng}$.

- Bồi thường chênh lệch đơn giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm năm 2012 so với năm 2013 ($53.000\text{đồng}/m^2 - 48.000\text{đồng}/m^2 = 5.000\text{đồng}/m^2$): $216,9m^2 \times 5000\text{đồng}/m^2 \times 100\% = 1.085.000\text{đồng}$

Về kiến trúc: Không có công trình kiến trúc

Về cây hoa màu; 02 cây x $250.000\text{đồng}/cây = 500.000\text{đồng}$

Về chính sách hỗ trợ: Không có

Về chính sách tái định cư: Không đủ điều kiện bố trí đất tái định cư.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông V về việc yêu cầu tuyên hủy toàn bộ quyết định giải quyết khiếu nại số 2261/QĐ-UBND ngày 10/9/2015, UBND thành phố H khẳng định quyết định số 2261/QĐ-UBND là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật, phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Đức V là đúng chế độ chính sách Nhà nước quy định tại thời điểm bồi thường. Yêu cầu khởi kiện

của ông V cho rằng UBND thành phố H phải bồi thường toàn bộ diện tích đất đo đạc thực tế (509m²) là đất ở với giá 6.300.000đồng/m² là không có căn cứ, vì:

- Căn cứ sơ đồ thửa đất GPMB, bản chứng nhận nhà đất lập ngày 20/6/2012, phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 8/8/2012, văn bản số 62/UBND ngày 03/4/2014 của UBND phường Đ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V, đã xác định: Trong số 509m² đất gia đình ông V đang quản lý, sử dụng có 433,4m² đất trong trích thửa địa chính đủ điều kiện được bồi thường, còn lại 75,6m² đất ngoài trích thửa địa chính là đất chuyên dùng (hành lang kênh N1 do Nhà nước quản lý) không được bồi thường, hỗ trợ.

- Phần diện tích đất chênh lệch giữa giấy CNQSDĐ và diện tích đo vẽ GPMB là 1,5m² đã được hỗ trợ theo đúng quy định tại khoản 5 điều 23 quyết định 499/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

- Theo giấy CNQSDĐ của ông V thể hiện: đất ở 40m²; đất trồng cây lâu năm 394,9m². UBND thành phố H đã bồi thường cho ông V 40m² đất ở theo giấy CNQSDĐ với giá 6.300.000đồng/m² là đúng với quy định tại khoản 1 điều 10 quyết định 499/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Quảng Ninh và các quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 11/6/2012, văn bản số 6493/UBND-TM2 ngày 24/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

Quan điểm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Trung tâm phát triển quỹ đất Sở tài nguyên môi trường tỉnh Quảng Ninh có cùng quan điểm với UBND thành phố H và khẳng định chính sách bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông V là đúng với quy định pháp luật, yêu cầu đòi bồi thường 509m² đất là đất ở với giá 6.300.000đồng/m² của ông V là không có căn cứ.

Đại diện UBND phường Đ có quan điểm: Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất thể hiện đất của ông V đã được cấp giấy CNQSDĐ vào ngày 18/8/2009, mang tên ông Nguyễn Đức V, trong đó có 40m² đất ở và 394,9m² đất trồng cây lâu năm. Đất do nhận chuyển nhượng từ ông Phan Nguyên H năm 2008. Từ năm 2008 đến thời điểm bồi thường, ông V quản lý sử dụng nhưng không ở. (Trên đất không có nhà). Ngoài ra, UBND phường đã xem xét, tổ chức lấy ý kiến khu dân cư để xác minh phần diện tích ngoài trích thửa địa chính (75,6m²), phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Đức V theo đúng quy định pháp luật, UBND phường giữ nguyên quan điểm như tại Bản chứng nhận nhà đất đã lập ngày 20/6/2012 và văn bản số 62/UBND ngày 03/4/2014, không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Tại bản án số 06/2016/HCST ngày 28/4/2016 của Tòa án nhân dân thành phố H đã tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức V về việc yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 2261/QĐ-UBND ngày 10/9/2015 của Chủ tịch UBND thành phố H và yêu cầu buộc UBND thành phố H bồi thường 509m² đất là đất ở với đơn giá 6.300.000đồng/m². Ông Nguyễn Đức V phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm, và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/5/2016, người khởi kiện- Ông Nguyễn Đức V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Đức V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị hủy án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm theo Điều 240 Luật tố tụng hành chính và đề nghị bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về hình thức: Đơn kháng cáo của người khởi kiện nằm trong hạn luật định nên chấp nhận để xem xét tại phiên tòa phúc thẩm.

Về thẩm quyền: Yêu cầu của người khởi kiện: Hủy Quyết định hành chính số 2261/QĐ-UBND ngày 10/9/2015 của Chủ tịch UBND thành phố H là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, cấp sơ thẩm giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dung:

Xét kháng cáo của người khởi kiện- Ông Nguyễn Đức V, Hội đồng xét xử thấy:

Về việc ghi số liệu, địa chỉ thửa đất: Tại phần 1- Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của Quyết định số 2261/QĐ-UBND ghi thửa đất của ông V là thửa số 14D tờ bản đồ địa chính số 24 là không đúng với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V (Tờ bản đồ địa chính số 22). UBND thành phố H đã thừa nhận sai sót do lỗi soạn thảo văn bản ghi nhầm tờ bản đồ địa chính số 22, thực tế thuộc tờ bản đồ địa chính số 24 và sẽ chỉ đạo phòng Tài nguyên môi trường đính chính lại như trước đây, nhưng nay thấy không cần thiết phải đính chính vì diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V đã bị thu hồi, và bồi thường theo đúng quy định của pháp luật.

Về yêu cầu buộc UBND thành phố H bồi thường toàn bộ diện tích đất đo đạc thực tế là 509m² với giá đất ở là 6.300.000đ/m², thấy rằng:

Thửa đất ông V được bồi thường, hỗ trợ là thửa số 14D tờ bản đồ địa chính số 24, thuộc tổ 2 khu 1 phường Đ, thành phố H, thuộc thửa 29 bản đồ GPMB số 3. Diện tích đất theo giấy CNQSDĐ là 434,9m², trong đó có 40m² đất ở: 394,9m² đất trồng cây lâu năm. Diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng là 509m², trong đó có 433,4m² đất trong trích thửa địa chính đủ điều kiện được bồi thường; 75,6m² đất ngoài trích thửa địa chính thuộc đất chuyên dùng (hành lang kênh N1 do nhà nước quản lý) Nguồn gốc đất: Do nhận chuyển nhượng; Đất đã được cấp giấy CNQSDĐ năm 2009 mang tên ông Nguyễn Đức V.

Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa ông V không cung cấp được cho Tòa án các tài liệu chứng minh 509m² đất thuộc thửa đất số 29 tờ bản đồ giải phóng mặt bằng số 3 có nguồn gốc là đất ở. Trong khi đó theo giấy CNQSDĐ cấp cho ông V thể hiện chỉ có 40m² đất ở. Như vậy, căn cứ khoản 1 điều 4 Quyết

định 499/2010/QĐ-UBND ngày 11/2/2010 của UBND tỉnh Quảng Ninh thì điều kiện được bồi thường về đất là: “có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Căn cứ điểm a khoản 1 điều 45 nghị định 181/NĐ-CP, khoản 1 điều 10 quyết định số 499/QĐ- UBND của UBND tỉnh Quảng Ninh thì hạn mức bồi thường đất ở được căn cứ vào giấy CNQSDĐ. Do ông V đã được cấp giấy CNQSDĐ nên hạn mức đất ở được bồi thường phải căn cứ theo giấy CNQSDĐ. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND thành phố H, ông V đã được bồi thường 40m² đất ở với giá 6.300.000đồng/m² là đúng với các quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 11/6/2012, văn bản số 6493/UBND-TM2 ngày 24/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh về phê duyệt giá đất ở để thực hiện bồi thường.

Cũng theo giấy CNQSDĐ của ông V có 394,9m² đất là đất trồng cây lâu năm. Theo quy định tại khoản 1 điều 13 Luật đất đai 2003 thì phần diện tích đất này thuộc loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm. Vì vậy, UBND thành phố H đã áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất nông nghiệp trồng cây lâu năm cho hai dự án với tổng diện tích là 393,4m² (trong đó dự án nâng cấp quốc lộ 18 A là 176,5m²; Dự án Trung tâm thể thao vùng Đông Bắc mở rộng là 216,9m²) với đơn giá bồi thường 48.000đồng/m², đơn giá hỗ trợ 1.656.000đồng/m² (dự án đường 18A), 1.046.000đồng/m²(dự án Trung tâm thể thao Đông Bắc) là đúng với quyết định số 4166/2011/QĐ-UBND ngày 26/12/2011, quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 19/3/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh, quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 22/5/2012 của UBND thành phố H.

Do diện tích đất khi đo, lập bản đồ giải phóng mặt bằng không trùng khớp với diện tích đất tại bản đồ địa chính nên UBND phường Đ đã xác minh phần diện tích thừa ra so với bản đồ địa chính. Tại phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 8/8/2012 của UBND phường Đ đã xác định: Phần diện tích đất ngoài trích thửa địa chính, ngoài giấy cấp là 75,6m² nằm trong thửa địa chính số 15 +16 tờ bản đồ số 24 là thửa đất chuyên dùng thuộc hành lang kênh N1 do Nhà nước quản lý. Diện tích đất chuyên dùng này không được bồi thường, hỗ trợ là đúng quy định của pháp luật (theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 43 Luật đất đai 2003).

Từ những phân tích trên đây, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, phân tích, đánh giá các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào các quy định của pháp luật quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức V về việc yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 2261/QĐ-UBND ngày 10/9/2015 của Chủ tịch UBND thành phố H và yêu cầu buộc UBND thành phố H bồi thường 509m² đất là đất ở với đơn giá 6.300.000đ/m²; buộc ông Nguyễn Đức V phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) là có căn cứ pháp luật, do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đức V.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Đức V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan thi hành án).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Bác kháng cáo của người khởi kiện- ông Nguyễn Đức V, giữ nguyên án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức V về việc: Yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 2261/QĐ-UBND ngày 10/9/2015 của Chủ tịch UBND thành phố H và yêu cầu buộc UBND thành phố H bồi thường 509m² đất là đất ở với đơn giá 6.300.000đ/m².

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc ông Nguyễn Đức V phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm và 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm và 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đó nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số 0009639 ngày 14/10/2015 và biên lai số 0000652 ngày 06/5/2016. Ông Nguyễn Đức V đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTC;
- Viện kiểm sát tỉnh Quảng Ninh;
- Tòa án thành phố H;
- Viện kiểm sát thành phố H;
- Các đương sự;
- THA, VP;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký